

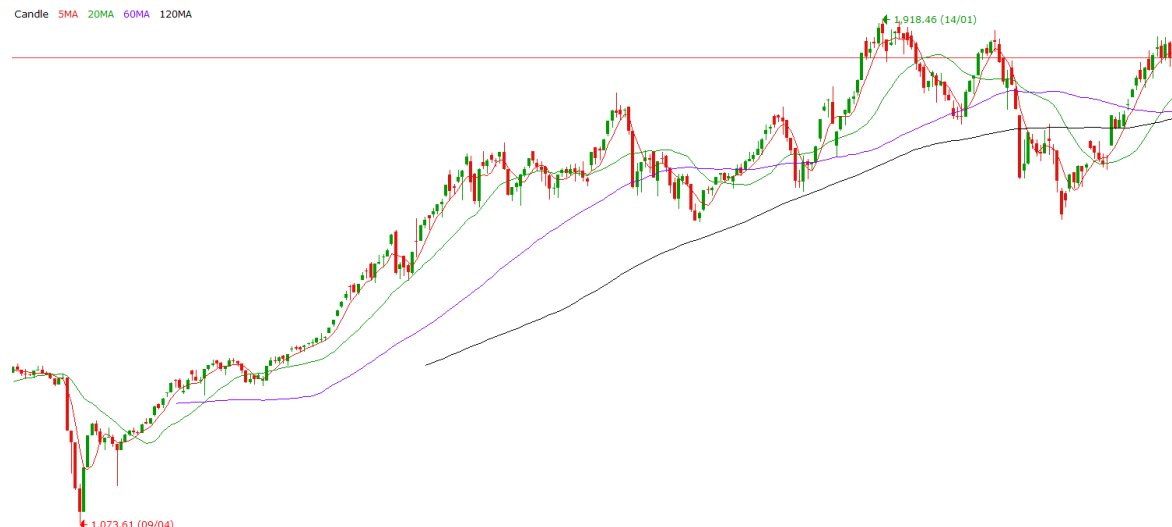
BẢN TIN HÀNG NGÀY

04 tháng 5 năm 2026



Nhóm dầu khí hút tiền

- Vn-Index tăng hơn 20 điểm đầu ngày, sau đó cứ giảm dần và đóng cửa về quanh tham chiếu
- Số mã tăng lớn hơn số mã giảm đôi chút
- VIC VHM tiếp tục điều chỉnh giảm, đóng góp 6.7 điểm vào chiều giảm
- Nhóm dầu khí bùng nổ, trong đó BSR tăng trần
- 1 số mã khác đóng góp nhiều vào chiều tăng là VCB BID GVR VPB
- Điểm nhấn: NVL giảm sàn với dư bán sàn hơn 22 triệu cổ phiếu
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 7.7% so với ngày trước đó

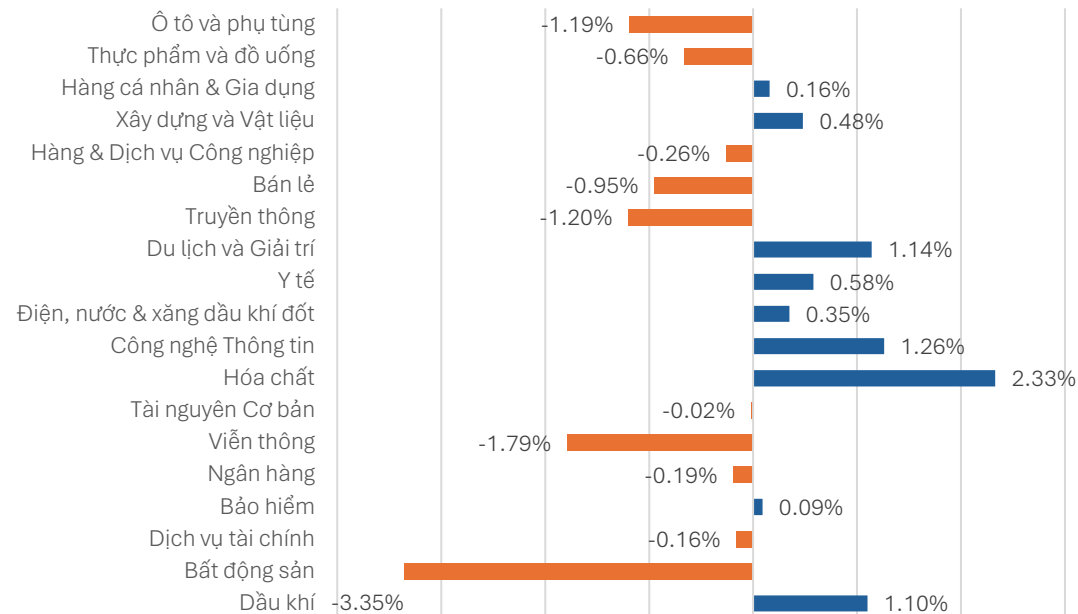


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,854.1	250.0	127.7
(+/-)	-0.04	-0.62	0.22
(%)	0.00%	-0.25%	0.17%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	693	79	29
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	21,187	1,459	511
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,022)	232	13
Số mã tăng	169	79	130
Số mã giảm	148	64	86
Số mã giá không đổi	60	63	76

1.

Nhận định thị trường

- Rất nhiều mã hôm nay đóng cửa thấp nhất ngày như CII CEO SSI...
- Thanh khoản vẫn ở mức thấp, hiện dòng tiền vẫn chưa lan tỏa toàn thị trường
- Tuy vậy, Vn-Index đang ở vùng kháng cự mạnh quanh 1,880 điểm; nên lực mua đẩy chỉ số là không lớn cũng là bình thường
- Nhìn chung, hôm nay là 1 phiên trung lập: dòng tiền tập trung vào nhóm dầu khí, ngược lại, nhiều cổ phiếu khác đối mặt áp lực điều chỉnh nhẹ
- Nhà đầu tư vẫn tiếp tục mua vào ở vùng giá hiện tại
- Bất động sản vẫn đang là nhóm ngành mạnh mẽ nhất, ngoại trừ 1 vài mã tăng quá sốc như VIC VHM NVL
- Riêng với NVL, nhà đầu tư có thể mua vào với giá đở trong ngày mai.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	18.31	1.70
2	Nguyên vật liệu	15.81	1.64
3	Công nghiệp	13.55	1.87
4	Hàng Tiêu dùng	14.69	2.39
5	Dược phẩm và Y tế	16.03	1.63
6	Dịch vụ Tiêu dùng	20.55	3.73
7	Viễn thông	25.58	6.15
8	Tiện ích Cộng đồng	12.81	1.71
9	Tài chính	20.81	2.93
10	Ngân hàng	9.17	1.50
11	Công nghệ Thông tin	13.36	2.74

2.

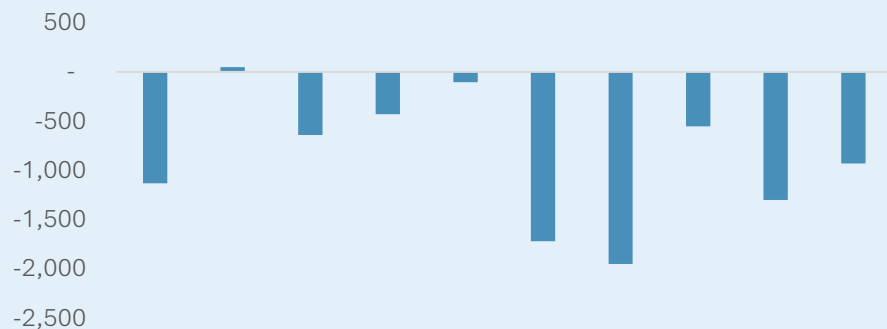
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
BID	1.87%	DXS	6.93%	CTS	0.96%	ASM	6.93%	BMP	3.02%	HSG	2.04%	POW	5.14%	GVR	6.97%
VPB	1.70%	VRE	4.33%	VIX	0.90%	KDC	4.91%	VCG	2.93%	ACG	1.34%	TMP	1.84%	PHR	4.23%
VCB	1.51%	KBC	1.62%	VND	0.62%	PAN	1.11%	HHV	1.60%	NKG	0.35%	GAS	1.73%	DPR	3.40%
NAB	1.42%	SZC	1.10%	FTS	0.19%	VHC	0.82%	PC1	1.28%	PTB	-0.20%	REE	1.49%	AAA	2.33%
CTG	1.14%	IJC	0.99%	SSI	0.18%	FMC	0.52%	VGC	0.94%	HPG	-0.54%	PGD	1.07%	CSV	1.16%
EIB	0.46%	DXG	0.98%	ORS	0.00%	HAG	0.31%	HTI	-0.21%	DHC	-0.84%	GEG	1.05%	VFG	0.00%
MSB	0.40%	SJS	0.87%	BSI	-0.14%	SBT	0.25%	CTD	-0.92%			NT2	0.83%	DGC	-0.37%
TPB	0.31%	BCM	0.38%	VCI	-0.19%	ANV	0.21%	CTR	-0.93%			VSH	0.58%	DCM	-1.52%
SSB	0.30%	PDR	0.30%	TVS	-1.09%	MSN	0.00%	CII	-1.30%			TDM	0.52%	DPM	-1.70%
MBB	0.19%	NLG	0.18%	HCM	-1.50%	VCF	0.00%					PPC	0.20%		
OCB	0.00%	QCG	0.00%			VNM	0.00%					SHP	0.15%		
HDB	-0.38%	VPI	-0.16%			MCM	0.00%					PGV	0.00%		
LPB	-0.63%	SIP	-0.16%			BHN	-0.17%					HNA	0.00%		
TCB	-0.89%	HDG	-0.19%			DBC	-0.22%					BWE	-0.46%		
VIB	-0.92%	HDC	-0.26%			SAB	-0.32%					CHP	-0.71%		
SHB	-1.37%	DIG	-0.34%			BAF	-0.42%								
ACB	-1.70%	CRE	-0.39%												
STB	-1.93%	VIC	-0.93%												
		KDH	-1.57%												
		KOS	-2.36%												
		VHM	-2.74%												
		TCH	-4.68%												
		NVL	-6.83%												

3.

Giao dịch khối ngoại

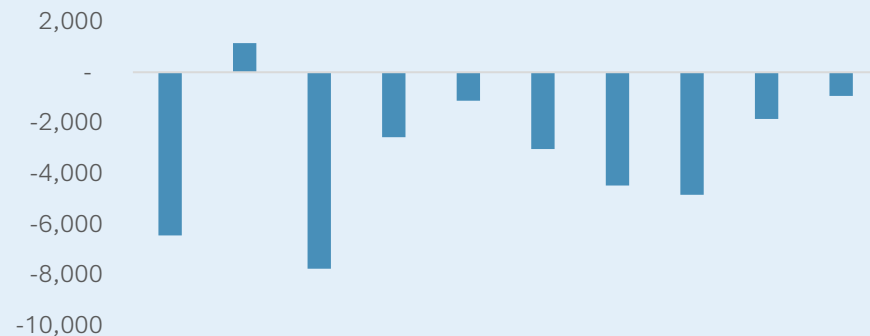
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	HUT	HNX	224.12	4.02	220.11
2	POW	HOSE	105.83	4.17	101.66
3	VRE	HOSE	117.56	32.42	85.14
4	MWG	HOSE	193.32	120.14	73.18
5	VCG	HOSE	56.69	4.45	52.24
6	BID	HOSE	80.13	28.90	51.24
7	GEX	HOSE	73.07	34.21	38.86
8	GVR	HOSE	37.37	5.73	31.64
9	BSR	HOSE	39.39	8.64	30.75
10	VNM	HOSE	39.29	9.72	29.57
11	GEE	HOSE	37.42	8.47	28.95
12	SSI	HOSE	37.00	11.11	25.89
13	PAN	HOSE	24.81	1.18	23.63
14	PLX	HOSE	36.80	16.81	19.99
15	PVS	HNX	35.59	20.32	15.28

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	ACB	HOSE	37.53	377.38	- 339.85
2	FPT	HOSE	32.40	345.82	- 313.42
3	HPG	HOSE	85.35	368.27	- 282.92
4	SII	UPCoM	-	119.06	- 119.06
5	VCB	HOSE	96.41	200.96	- 104.55
6	KDH	HOSE	1.90	96.76	- 94.86
7	KBC	HOSE	4.38	63.90	- 59.52
8	MSN	HOSE	35.82	85.61	- 49.78
9	NVL	HOSE	13.74	58.10	- 44.36
10	DPM	HOSE	4.50	47.37	- 42.87
11	STB	HOSE	10.97	42.29	- 31.33
12	TCB	HOSE	74.82	100.62	- 25.79
13	ACV	UPCoM	1.82	26.36	- 24.54
14	PNJ	HOSE	25.51	48.29	- 22.79
15	MCH	HOSE	1.17	20.57	- 19.40

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	108.17	-5.12%	9.12%	77.76%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	101.94	-2.98%	7.99%	77.53%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,614.95	-0.17%	-2.00%	6.69%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,112	0.00%	0.00%	-0.04%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,367	0.00%	0.00%	-0.04%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,720	-0.26%	-0.30%	-0.37%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	6.40%	2.52%	0.61%	4.63%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.50%	0.00%	0.00%	0.43%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.60%	0.00%	0.02%	0.42%

Lạm phát tăng 4,66%, nhập siêu hơn 3 tỉ USD trong tháng 4

Theo thông tin Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố so với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 tăng 5,46%; CPI 4 tháng đầu năm tăng 3,99%. Trong khi đó, lạm phát cơ bản tháng 4 tăng 0,88% so với tháng trước và tăng 4,66% so với cùng kỳ năm trước.

Về cạnh cân cán thương mại, tính riêng tháng 4/2026, ước Việt Nam nhập siêu 3,28 tỉ USD, nâng tổng mức nhập siêu 4 tháng qua lên 7,11 tỉ USD (trong khi cùng kỳ năm trước xuất siêu 4,3 tỉ USD).

Fed, ECB tiếp tục giữ nguyên lãi suất

Ngày 29/4, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tiếp tục giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang trong phạm vi từ 3,5% đến 3,75% đã được duy trì từ tháng 12/2025.

Ngày 30/4, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng quyết định giữ nguyên lãi suất chính sách ở mức 2% mặc dù lạm phát ở khu vực đồng euro đã tăng vọt lên 3% trong tháng 4, chủ yếu do chi phí năng lượng tăng cao.

5.

Bản tin doanh nghiệp



MSN: Masan ghi nhận lợi nhuận quý I/2026 tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước

Trong quý I/2026, **MSN** ghi nhận mức LNST đạt 1.974 tỷ đồng, tăng gấp 2,0 lần so với cùng kỳ. Lợi nhuận hoạt động (EBIT) của nền tảng tiêu dùng - bán lẻ tăng lên 2.455 tỷ đồng, tăng 23,6% so với cùng kỳ.

WinCommerce (WCM) ghi nhận LNST đạt 204 tỷ đồng trong quý I/2026, tăng gấp 3,5 lần so với cùng kỳ. Trong kỳ, WCM mở mới thêm 225 cửa hàng, nâng tổng số cửa hàng trên toàn quốc lên 4.817 điểm bán.

Masan Consumer (MCH) ghi nhận doanh thu quý I/2026 đạt 8.472 tỷ đồng, tăng 13,1% so với cùng kỳ, trong khi LNST đạt 1.800 tỷ đồng, tăng 11,5%.



BSR: Công ty vận hành nhà máy lọc dầu Dung Quất lãi gấp 20 lần

Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) cho biết doanh thu quý đầu năm hơn 45.900 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ năm ngoái. Dầu diesel đóng góp gần phân nửa doanh thu với 21.180 tỷ đồng, còn hai sản phẩm xăng không chì RON 95 và RON 92 mang về hơn 16.000 tỷ đồng.

Lãi sau thuế đạt 8.265 tỷ đồng, gấp hơn 20 lần so với mức 400 tỷ đồng của cùng kỳ. Đây là mức cao nhất tính theo quý trong bốn năm qua và vượt xa mục tiêu lợi nhuận sau thuế cả năm (2.162 tỷ đồng).



VCB: Vietcombank tiếp tục giữ vững vị trí quán quân lợi nhuận ngành ngân hàng

Vietcombank (VCB) công bố báo cáo tài chính quý I/2026 với lợi nhuận trước thuế đạt 11.803 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước và tiếp tục giữ vững vị trí quán quân lợi nhuận ngành ngân hàng.

Đà tăng trưởng được ghi nhận chủ yếu từ các mảng kinh doanh cốt lõi. Thu nhập lãi thuần tăng 29% YoY, mang về hơn 17.650 tỷ đồng; hoạt động dịch vụ tăng hơn 17% YoY, đạt 943 tỷ đồng. Trong khi đó, kinh doanh ngoại hối và hoạt động chứng khoán ghi nhận sự suy giảm đáng kể so với cùng kỳ.

6.

Lịch sự kiện

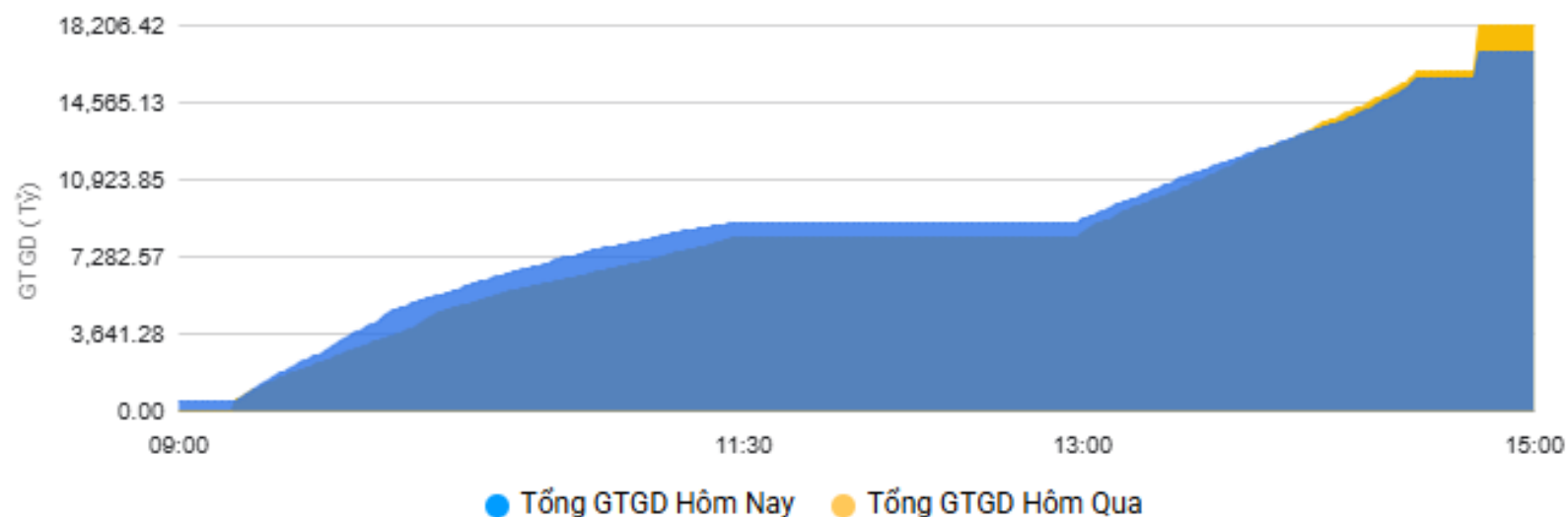
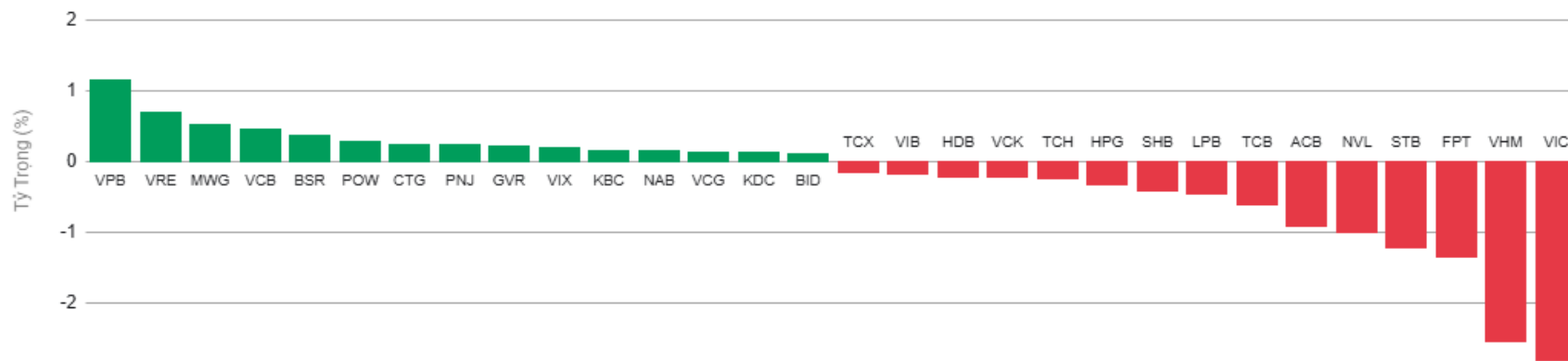
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
DHD	05/05/2026	09/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1.8%	180
GEX	05/05/2026		Trả cổ tức bằng cổ phiếu	25%	
GEX	05/05/2026		Phát hành cổ phiếu thưởng	20%	
GEE	05/05/2026		Phát hành cổ phiếu thưởng	75%	
DHD	05/05/2026		Phát hành cổ phiếu thưởng	35%	
MDG	05/05/2026	05/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6%	600
PDB	05/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	40%	4,000
TNG	06/05/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
MTP	07/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
TTC	07/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
PTG	07/05/2026	11/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	50%	5,000
ANI	08/05/2026	26/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
KHD	08/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
PEQ	08/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
PGS	08/05/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
SPV	08/05/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (04/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	26,950	26.2%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	16,300	44.1%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	33,550	10.3%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	26,100	16.4%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	23,100	24.5%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,500	21.5%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	35,350	13.7%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	60,700	18.6%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	40,850	16.8%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	66,200	-11.3%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	26,700	28.1%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	12,500	-0.6%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	14,400	10.8%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	75,100	19.0%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	21,600	27.1%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	55,500	35.9%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (04/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	27,800	61.9%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	25,000	68.0%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	15,500	34.2%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,870	52.5%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	34,450	17.6%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	53,400	55.4%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	33,700	-11.0%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	142,000	-38.6%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	19,050	27.0%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,500	12.7%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	22,250	33.7%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	22,800	3.9%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	86,000	1.9%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	148,000	14.9%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	84,900	26.6%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	31,750	27.6%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	50,000	43,500	14.9%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

